TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2018/
V/v*: "Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Điểu Hoàng**

Ông Bùi Văn Vinh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa**:*** **Ông Nguyễn Văn Thành** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán:* **Ông Vũ Văn Hội -** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc: "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HPT ngày 26/3/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng G sinh năm 1985**

Nơi cư trú: 59 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Anh Lê Văn D sinh năm: 1982**

Nơi cư trú: 59 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị G có mặt, anh D vắng mặt)

+. Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm:1955

Nơi cư trú: 59 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (Bà Đời vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Hồng Nh sinh năm: 1982

Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (Chị Hồng có mặt)

3. Bà Phạm Thị B sinh năm: 1964

Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (Bà Bảy có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, bản tường trình, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng G trình bày:

Chị Nguyễn Hồng G và anh Lê Văn D quen biết tìm hiểu nhau được khoảng 06 tháng thì hai bên tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/5/2009. Đây là hôn nhân lần đầu của chị G và anh D. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không phụ giúp chị G về kinh tế gia đình, vợ chồng tính tình không hợp nên hay xảy ra cãi nhau. Ngoài ra do anh D nhiều lần đánh chị G nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 09/2017 đến nay chị G và anh D không sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Việc anh D đánh đập chị G do không để lại thương tích gì nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị G xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị G và anh D có 03 con chung là Lê Văn A, sinh ngày 23/4/2009; Lê Thị Kim O, sinh ngày 11/12/2011 và Lê Văn T, sinh ngày 30/01/2014. Khi ly hôn, chị G đồng ý giao 03 con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D.

Về tài sản: Chị G và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+. Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2017 bị đơn anh Lê Văn D trình bày.

Anh Lê Văn D và chị Nguyễn Hồng G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Định Quán và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/5/2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân lần đầu của anh D và chị G.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, anh D thỉnh thoảng có đi nhậu với bạn bè về nói chị G không nghe nên anh có đánh chị G. Mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị G bỏ nhà đi 7, 8 tháng không về nhà. Từ khoảng tháng 09/2017 anh D và chị G không sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay chị G ly hôn thì anh D không đồng ý vì anh D muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh D và chị G có 03 con chung là cháu Lê Văn A, sinh ngày 23/4/2009, Lê Thị Kim O, sinh ngày 11/12/2011 và Lê Văn T, sinh ngày 30/01/2014. Trường hợp ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị G và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26/3/2018 cho bị đơn anh Lê Văn D nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng G và anh Lê Văn D khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/5/2009 (BL 05) nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân chị G và anh D đều xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đánh nhau. Chị G và anh D không còn sống chung, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 01, 18). Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 21, 24, 25). Xét quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh D tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị G yêu cầu xin ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận**.** Xét yêu cầu của anh D không đồng ý ly hôn là không phù hợp với Luật hôn nhân gia đình, trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Về con chung:

Chị G và anh D có 03 con chung là Lê Văn A, sinh ngày 23/4/2009, Lê Thị Kim O, sinh ngày 11/12/2011 và Lê Văn T, sinh ngày 30/01/2014

Khi ly hôn, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Chị G đồng ý để anh D được nuôi dưỡng ba con. Xét thỏa thuận nuôi con của anh D và chị G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, chị G trình bày: hiện chị G đi làm thuê, công việc chưa ổn định, mỗi tháng thu nhập khoảng 3.000.000đ (ba triệu đồng) nên khi ly hôn chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Xét việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị G là cần thiết và phù hợp Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

***Về tài sản*:** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

Xử cho chị Nguyễn Hồng G và anh Lê Văn D ly hôn

Về con chung: Giao cho anh Lê Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng ba con chung là Lê Văn A, sinh ngày: 23/4/2009; Lê Thị Kim O, sinh ngày: 11/12/2011 và Lê Văn T, sinh ngày: 30/01/2014.

Chị Nguyễn Hồng G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Hồng G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 004548 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị G còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND HĐQ;
- THADS HĐQ;
- UBND tt Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường